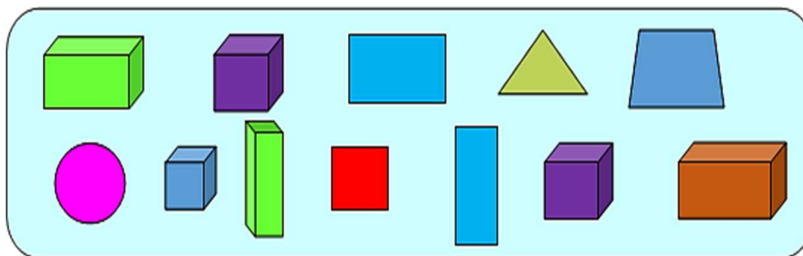


ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2

ĐỀ SỐ 1

Câu 1. (1 điểm) Quan sát hình sau và cho biết?



Có ☐ khối lập phương

Có ☐ khối hộp chữ nhật

Có ☐ hình vuông

Có ☐ hình chữ nhật

Câu 2. (1 điểm) Đồng hồ chỉ mấy giờ?



Câu 3. (1 điểm) Hãy khoanh tròn vào ý đúng.

Lớp 1A có 24 bạn trai và 14 bạn gái. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu bạn?

Trả lời: Lớp 1A có.....bạn.

A. 28 bạn

B. 38 bạn

C. 30 bạn

Câu 4. (1 điểm) Tính:

a) $20 \text{ cm} + 18 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

c) $56 - 22 + 10 = \dots\dots\dots$

b) $43 \text{ cm} + 6 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

d) $90 - 50 - 40 = \dots\dots\dots$

Câu 5. (1 điểm) Đánh dấu X vào phép tính có kết quả lớn hơn 36.









Câu 6. (1 điểm)

a) Viết đúng.

Năm mươi tư:

45:

Bảy mươi sáu:

91:

b)Viết các số 82; 11; 53; 9 theo thứ tự từ lớn đến bé:

Câu 7. (1điểm) Nối các phép tính có kết quả bằng nhau.

$16 + 11$

$50 - 10$

$34 + 21$

$73 - 3$

$21 + 34$

$26 + 1$

$20 + 20$

$80 - 10$

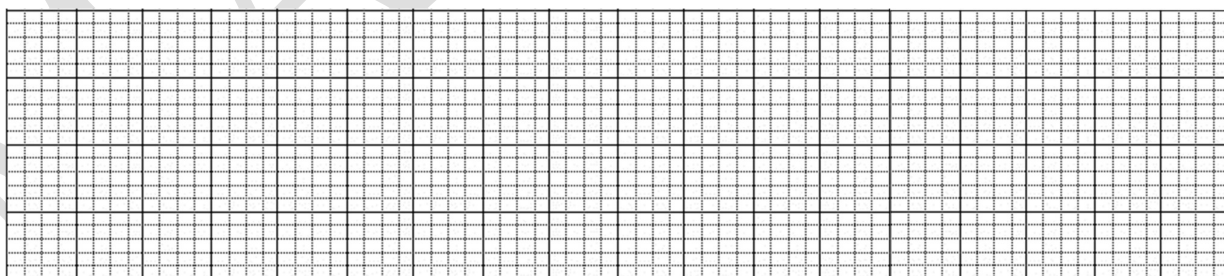
Câu 8. (1điểm) Đặt tính rồi tính:

$57 + 2$

$15 + 31$

$87 - 5$

$90 - 10$



Câu 9. (1 điểm)

Một tuần lễ có bao nhiêu ngày?

Thứ mấy là ngày đầu tuần?

Thứ mấy là ngày cuối tuần?

Em đi học vào những thứ nào trong tuần?

Câu 10. (1 điểm) Với các số và các dấu tính trong ô vuông. Hãy lập thành các phép tính cộng và phép trừ có kết quả phù hợp.

24	14	10	- + =
----	----	----	-------

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

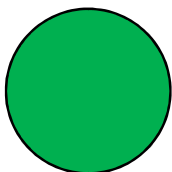
ĐỀ SỐ 2

Câu 1. (1 điểm) Viết các số 28, 9, 35, 91, 67 theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé:.....

b) Từ bé đến lớn:.....

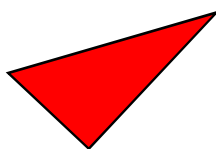
Câu 2. (1 điểm) Khoanh tròn vào các hình chữ nhật.



A



B



C



D



E

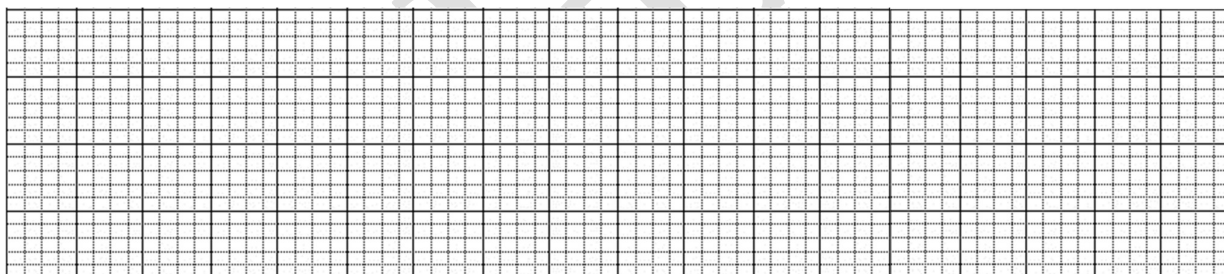
Câu 3. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$17 + 32$

$45 + 13$

$97 - 92$

$47 - 31$



Câu 4. (1 điểm) Đánh dấu nhân vào ô trống ở mỗi phép tính có kết quả bằng 27.

$14 + 13$

$72 - 10$

$59 - 32$

$48 - 21$



Câu 5. (1 điểm)

a) Nếu thứ hai là ngày 13 thì thứ năm tuần đó là ngày nào?

A. Ngày 14

B. Ngày 12

C. Ngày 16

D. Ngày 15

b) Em hãy cho biết độ dài của chiếc bút.



A. 15 cm

B. 14 cm

C. 17 cm

D. 10 cm

Câu 4. (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$$65 + 2 = 67 \quad \square$$

$$52 - 11 = 31 \quad \square$$

$$72 \text{ cm} + 13 = 85 \text{ cm} \quad \square$$

$$64 \text{ cm} - 24 \text{ cm} = 40 \text{ cm} \quad \square$$

Câu 5. (1 điểm) Em hãy viết 5 phép tính cộng, trừ có kết quả bằng 44.

Câu 6. (1 điểm) Với các số sau 24, 2, 13, 11 em hãy lập các phép tính phù hợp.

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

Câu 7. (1 điểm) Điền ">, <, =" thích hợp vào chỗ chấm.

$$78 \dots 89$$

$$34 \dots 23$$

$$23 + 11 \dots 43$$

$$89 - 23 \dots 56$$

$$27 - 27 \dots 23 - 22$$

$$43 - 12 \dots 11 + 21$$

Câu 8. (1 điểm) Đồng hồ chỉ mấy giờ?



Câu 10. (1 điểm) Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Khối lớp 1 trường Tiểu học Thanh Xuân có bốn lớp: lớp 1A có 35 bạn, lớp 1B có 38 bạn, lớp 1C có 33 bạn, lớp 1D có 39 bạn.

+ Lớpcó số bạn ít nhất.

+ Lớpcó số bạn đông nhất.

+ Số bạn lớp 1A (*nhều hơn/ít hơn*)..... số bạn lớp 1B.

+ Số bạn lớp 1D (*nhều hơn/ít hơn*)..... số bạn lớp 1C.

+ Cả 2 lớp 1A và 1C có tất cả bao nhiêu bạn? (Viết phép tính thích hợp)

--	--	--	--	--

ĐỀ SỐ 3**Câu 1. (1 điểm)** Khoanh vào đáp án đúng nhất.

a) Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

- A. 89 B. 98 C. 99 D. 90

b) Số gồm 4 chục 3 đơn vị là:

- A. 34 B. 33 C. 43 D. 40

c) Dãy số nào theo thứ tự từ lớn đến bé?

- A. 12, 54, 23, 89 B. 54, 89, 23, 12 C. 89, 54, 12, 23 D. 89, 54, 23, 12

d) Số liền sau số 79 là:

- A. 78 B. 80 C. 79 D. 81

Câu 2. (1 điểm)

$74 - 40$

$85 - 50$

$88 - 82$

$42 - 30$

$56 - 6$

$97 - 30$

+ Phép tínhcó kết quả cao nhất.

+ Phép tínhcó kết quả ít nhất.

+ Phép tính nào có kết quả bằng 50:

Câu 3. (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

23 gồmchục vàđơn vị.

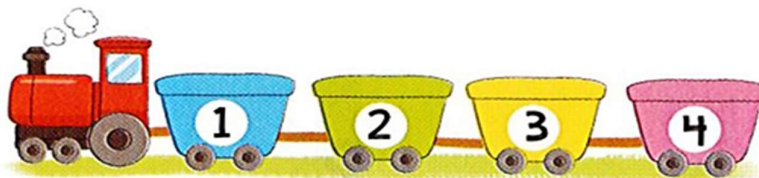
67 gồmchục vàđơn vị.

.....gồm 8 chục và 1 đơn vị.

.....gồm 9 chục và 0 đơn vị.

58:

71:

Câu 4. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

+ Toa thứở trước toa thứ 2.

+ Toa thứ 4 đứng sau toa thứ

+ Toa thứở giữa toa thứ 1 và thứ 3.

+ Toa thứở sau toa thứ 3.

Câu 5. (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$12 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = 14$

☐

$42 \text{ cm} - 2 \text{ cm} = 40 \text{ cm}$

☐

$12 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = 14 \text{ cm}$

☐

$42 - 2 \text{ cm} = 40$

☐**Câu 6. (2 điểm)** Nối hai phép tính có cùng kết quả.

$40 + 60$

$40 + 4$

$32 + 12$

$50 + 50$

$67 - 20$

$20 + 27$

Câu 7. (1 điểm) Đồng hồ chỉ mấy giờ?

Câu 8. (1 điểm) Trên cành cây có 36 con chim, bỗng dưng có 16 con bay đi mất. Hỏi trên cành cây còn lại bao nhiêu con? (Viết phép tính thích hợp)

--	--	--	--	--

Câu 9. (1 điểm) Nga có 22 cái chì, Lan có 1 chục cái bút mực, Hoa có 15 cái bút sáp. Hỏi cả ba bạn có bao nhiêu cái bút?

A. 37

B. 40

C. 38

D. 47

ĐỀ SỐ 4**Câu 1. (1 điểm)** Đếm – đọc số - viết số thích hợp.







Câu 2. (1 điểm) Khoanh tròn vào câu trả lời đúng.

a) Hôm nay thứ sáu ngày 18 thì thứ bảy sẽ là ngày nào?

A. Ngày 17

B. Ngày 18

C. Ngày 19

D. Ngày 20

b) Số lớn nhất có 2 chữ số giống nhau là:

A. 66

B. 76

C. 99

D. 89

c) Kết quả của phép tính $78 - 23 = \dots\dots$

A. 55

B. 56

C. 65

D. 54

d) Điền dấu $34 - 4 \dots\dots 30$

A. >

B. <

C. +

D. =

Câu 3. (1 điểm) Em hãy viết lại các số từ 1 đến 20:

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn:

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Câu 4. (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S.

$41 \text{ cm} + 25 \text{ cm} = 56 \text{ cm}$ ☐

$67 \text{ cm} - 60 \text{ cm} = 17 \text{ cm}$ ☐

$23 \text{ cm} + 12 \text{ cm} = 53 \text{ cm}$ ☐

$34 \text{ cm} - 11 \text{ cm} = 23 \text{ cm}$ ☐

Câu 5 (1 điểm) Đánh dấu “X” vào những phép tính ở các bông hoa có kết quả lớn hơn 37.

$20 + 25$	$64 - 41$	$45 - 5$	$44 + 2$	$56 - 42$
☐	☐	☐	☐	☐

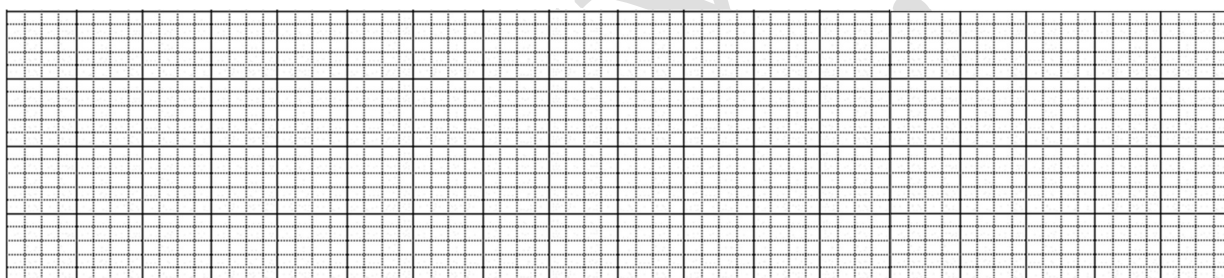
Câu 6. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$45 + 3$

$23 + 34$

$98 - 23$

$56 - 4$



Câu 7. (1 điểm) Điền “>, <, =” thích hợp vào chỗ chấm.

$65 \dots 99 - 41$	$57 \dots 10 + 63$	$17 - 11 \dots 10$	$10 + 27 \dots 50$
--------------------	--------------------	--------------------	--------------------

Câu 8. (1 điểm) Quan sát hình và cho biết:



+ Con chó đứng sau con nào?

+ Con ong đứng trước con nào?

+ Con nào đứng ở giữa con chó và con sóc?

+ Con nào đứng ở giữa con gà và con sóc?

Câu 9. (1 điểm) Một nông trại trồng được 26 củ su hào và 23 củ cà rốt. Hỏi nông trại đó trồng được tất cả bao nhiêu cây su hào và cà rốt?

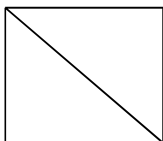
A. 45

B. 94

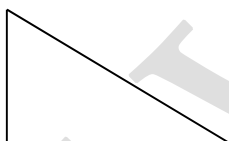
C. 3

D. 49

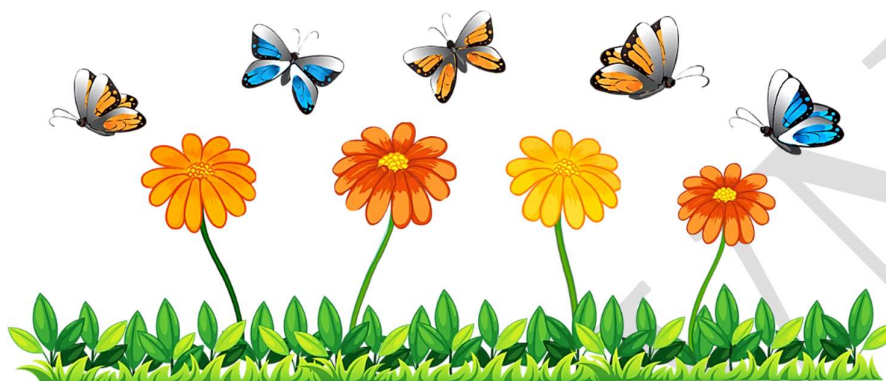
Bài 10. (1 điểm) Mỗi hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?



Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng

ĐỀ SỐ 5**Câu 1. (1 điểm)** Quan sát hình và cho biết:

Có con bướm. Có bông hoa.

Số con bướm (**nhiều hơn/ ít hơn**) số bông hoa.Số bông hoa (**nhiều hơn / ít hơn**) số con bướm.**Câu 2. (1 điểm)** Viết số gồm:

a) 2 chục và 4 đơn vị:

b) 5 chục và 1 đơn vị:

c) Số 78 gồmchục vàđơn vị.

d) Số 45 gồm chục và đơn vị.

e) Viết lại các số có 2 chữ số giống nhau:

Câu 3. (1 điểm) Đúng ghi Đ/ Sai ghi S:

$$67 - 61 = 5 \quad \square$$

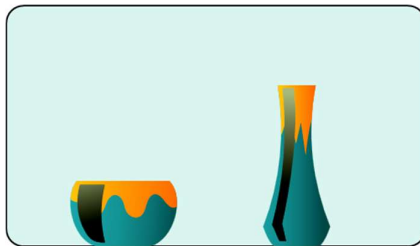
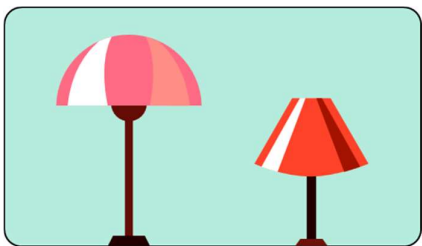
$$12 + 45 = 57 \quad \square$$

$$78 > 45 + 12 \quad \square$$

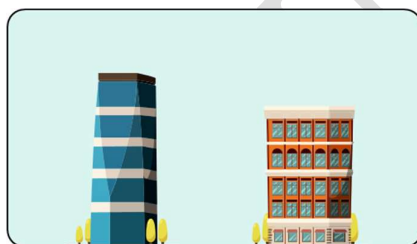
$$45 - 5 < 12 + 23 \quad \square$$

Câu 4. (1 điểm)

a) Khoanh tròn vào vật thấp hơn?



b) Khoanh vào vật cao hơn?



Câu 5. (1 điểm) Tính nhẩm:

$73 - 13 = \dots\dots\dots$

$90 - 10 - 20 = \dots\dots\dots$

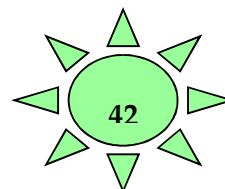
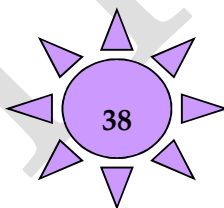
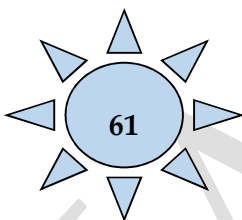
$16 - 5 = \dots\dots\dots$

$89 - 10 = \dots\dots\dots$

$20 + 10 + 10 = \dots\dots\dots$

$45 + 3 = \dots\dots\dots$

Câu 6. (1 điểm) Nối đúng:



$31 + 7$

$85 - 32$

$41 + 20$

$86 - 44$

Câu 7. (1 điểm)

a) Hôm nay thứ hai ngày 17 thì thứ tư (trong tuần) sẽ là ngày bao nhiêu?

A. Ngày 18

B. Ngày 19

C. Ngày 20

D. Ngày 17

b) Đồng hồ có kim ngắn chỉ số 3, kim dài chỉ số 12, thì là mấy giờ?

A. 2 giờ

B. 4 giờ

C. 12 giờ

D. 3 giờ

Câu 8. (1 điểm) Em hãy viết 4 phép tính cộng, trừ có kết quả bằng 35.

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

Câu 9. (1 điểm) Xếp các số 9; 67; 33; 14; 45:

a) Theo thứ tự từ lớn đến bé là:

b) Theo thứ tự từ bé đến lớn là:

Câu 10. (1 điểm) Số?

$$\square + \square + \square = 65$$

ĐỀ SỐ 6**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

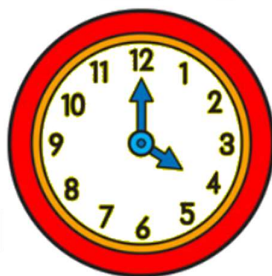
Câu 1. (1 điểm) Số “sáu mươi tư” được viết là:

- A. 64 B. 46 C. 60 D. 40

Câu 2. (1 điểm) Trong các số 48, 19, 92, 59 số lớn nhất là số:

- A. 48 B. 19 C. 92 D. 59

Câu 3. (1 điểm) Đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?

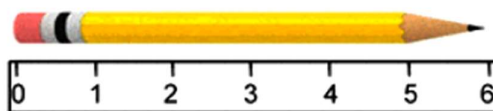


- A. 6 giờ B. 5 giờ C. 4 giờ D. 3 giờ

Câu 4. (1 điểm) Nếu thứ hai là ngày 12 thì thứ năm tuần đó là:

- A. Ngày 15 B. Ngày 16 C. Ngày 17 D. Ngày 18

Câu 5. (1 điểm) Độ dài của chiếc bút chì dưới đây theo đơn vị xăng-ti-mét là:



- A. 6cm B. 5cm C. 4cm D. 3cm

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

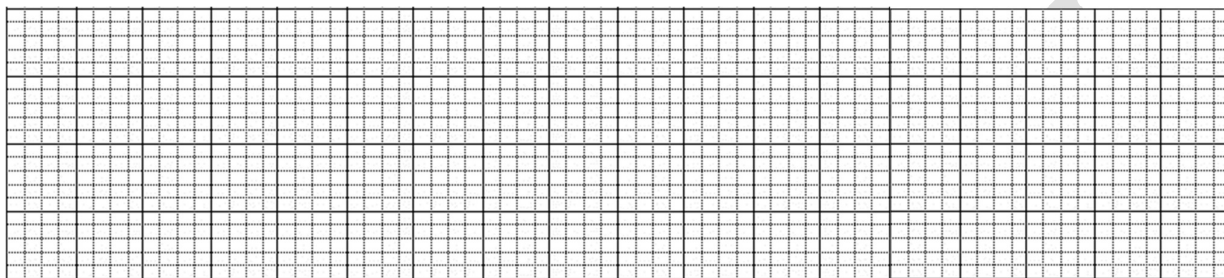
Câu 6. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$26 + 1$

$17 - 5$

$45 + 12$

$98 - 57$



Câu 7. (1 điểm) Sắp xếp các số 74, 14, 83, 25 theo thứ tự từ bé đến lớn.

Câu 8. (1 điểm) Nối:

75 *

18 *

27 *

53 *

12 *

84 *

92 *

46 *

* Mười hai

* Chín mươi hai

* Bảy mươi lăm

* Bốn mươi sáu

* Mười tám

* Hai mươi bảy

* Tám mươi tư

* Năm mươi ba

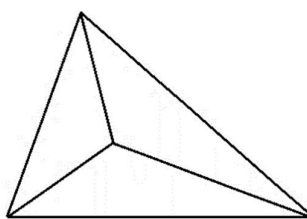
Câu 9. (1 điểm) Viết phép tính thích hợp và trả lời câu hỏi:

Lan có 27 quả táo. Hùng có 22 quả táo. Hỏi hai bạn có tất cả bao nhiêu quả táo?

--	--	--	--	--

Câu 10. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình dưới đây có ... hình tam giác.



ĐỀ SỐ 7**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1. Sắp xếp các số 84, 15, 46, 27 theo thứ tự từ bé đến lớn:

- A. 84, 15, 46, 27 B. 15, 46, 84, 27 C. 46, 15, 27, 84 D. 15, 27, 46, 84

Câu 2. Trong các số 27, 59, 19, 22 số lớn nhất là số:

- A. 22 B. 19 C. 27 D. 59

Câu 3. Bàn học của em dài khoảng:

- A. 8 gang tay B. 5cm C. 30 bước chân D. 1cm

Câu 4. Buổi sáng, Nam đi học từ 8 giờ đến 11 giờ. Vậy thời gian nam đi học là:

- A. 3 giờ B. 4 giờ C. 5 giờ D. 6 giờ

Câu 5. Khi kim dài và kim ngắn đều chỉ số 12 thì đồng hồ chỉ:

- A. 9 giờ B. 10 giờ C. 12 giờ D. 11 giờ

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

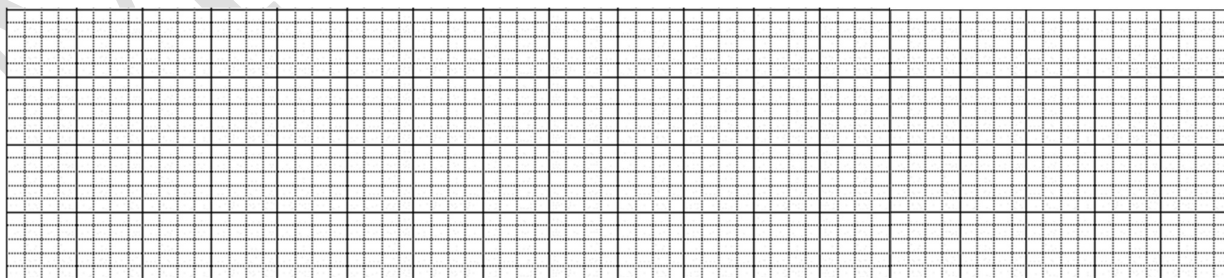
Câu 6. Đặt tính rồi tính:

$11 + 2$

$25 + 11$

$99 - 88$

$56 - 5$



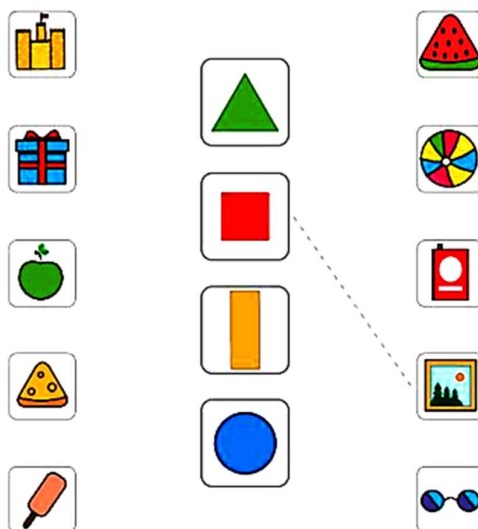
Câu 7. Tính nhẩm:

$$10 + 10 + 10 =$$

$$50 - 20 + 10 =$$

$$40 - 20 - 10 =$$

Câu 8. Nối các dạng hình phù hợp (theo mẫu):



Câu 9. Viết phép tính thích hợp và trả lời câu hỏi:

Bác Hà có 17 con lợn. Bác đem ra chợ bán 7 con. Hỏi bác Hà còn lại bao nhiêu con lợn?

--	--	--	--	--

Câu 10. Điền số thích hợp vào ô trống sao cho:

Các hàng ngang: Phải có đủ các số từ 1 đến 4, không trùng số và không cần đúng thứ tự.

Các hàng dọc: Đảm bảo có đủ các số từ 1 đến 4, không trùng số, không cần theo thứ tự.

	1		4
4		1	
3		2	
	2		3

ĐỀ SỐ 8**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1. Số gồm 5 chục và 6 đơn vị được viết là:

- A. 56 B. 50 C. 60 D. 65

Câu 2. Trong các số 93, 15, 63, 74 số lớn nhất là số:

- A. 74 B. 63 C. 15 D. 93

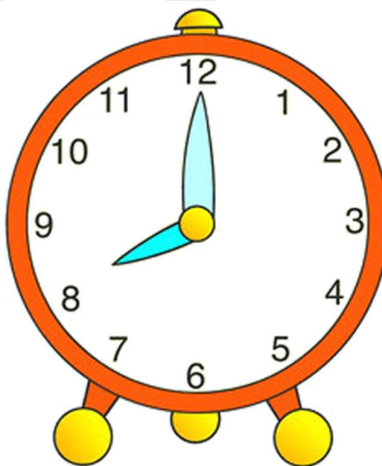
Câu 3. Có bao nhiêu số có 1 chữ số?

- A. 7 số B. 8 số C. 9 số D. 10 số

Câu 4. Bốn ngày trước là ngày 15. Vậy hôm nay là ngày:

- A. 18 B. 19 C. 20 D. 21

Câu 5. Đồng hồ dưới đây có kim giờ chỉ số:



- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

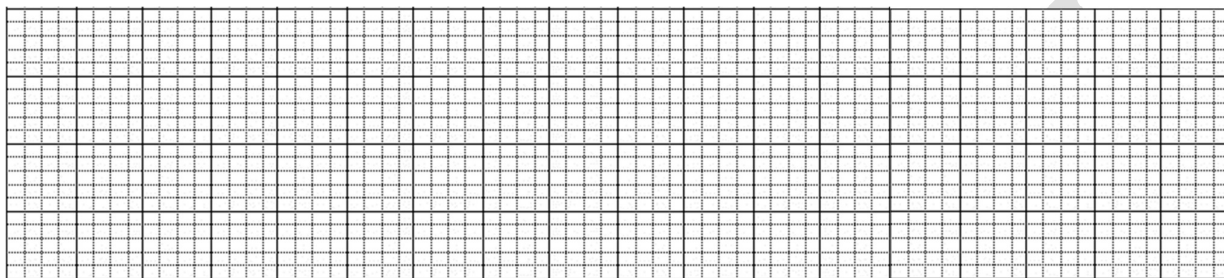
Câu 6. Đặt tính rồi tính

$12 + 4$

$35 + 11$

$49 - 2$

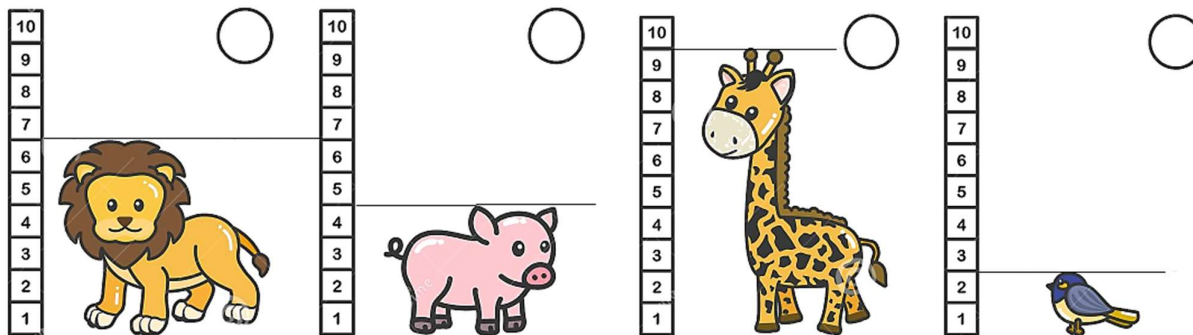
$87 - 26$



Câu 7. Hoàn thành bảng dưới đây (theo mẫu):

Số gồm	Viết số	Đọc số
8 chục và 3 đơn vị	83	Tám mươi ba
5 chục và 1 đơn vị		
	92	
		Mười bốn

Câu 8. Điền số thích hợp vào ô trống:



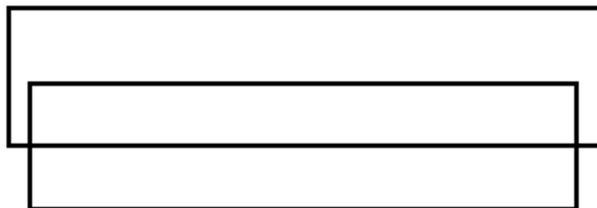
Câu 9. Viết phép tính thích hợp và trả lời câu hỏi:

Lớp 1A có 35 bạn học sinh. Lớp 1B có 42 bạn học sinh. Hỏi hai lớp có tất cả bao nhiêu học sinh?

--	--	--	--	--

Câu 10. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình dưới đây có ... hình chữ nhật.



ĐỀ SỐ 9**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1. Số “Ba mươi hai” được viết là:

- A. 30 B. 20 C. 23 D. 32

Câu 2. Sắp xếp các số 27, 53, 63, 1 theo thứ tự từ bé đến lớn được:

- A. 27, 53, 63, 1 B. 63, 53, 27, 1
C. 1, 27, 53, 63 D. 1, 53, 27, 63

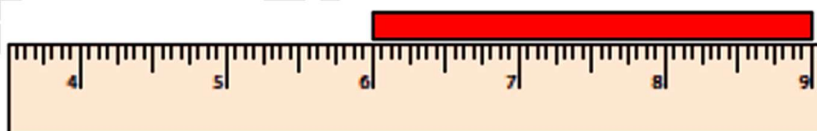
Câu 3. Từ 11 đến 34 có bao nhiêu số tròn chục?

- A. 4 số B. 3 số C. 2 số D. 1 số

Câu 4. Hôm nay là ngày 14 tháng 4. Vậy 4 ngày nữa là ngày:

- A. 18 B. 19 C. 20 D. 21

Câu 5. Độ dài của chiếc băng theo đơn vị xăng-ti-mét là:



- A. 3cm B. 4cm C. 5cm D. 6cm

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

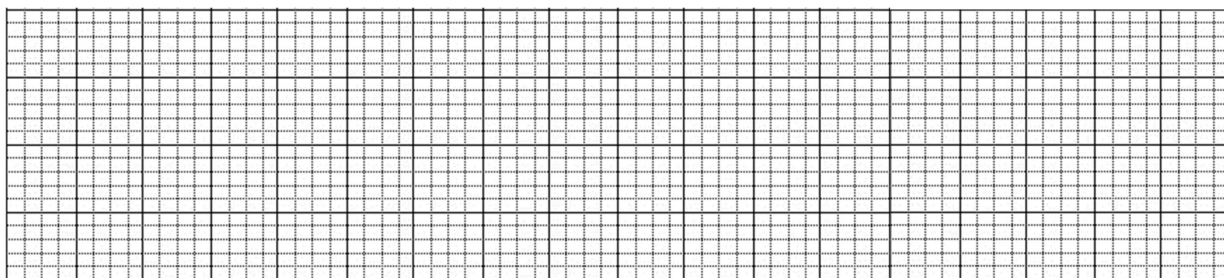
Câu 6. Đặt tính rồi tính:

$23 + 6$

$18 - 3$

$47 - 12$

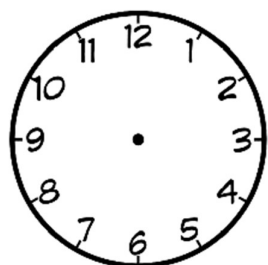
$11 + 10$



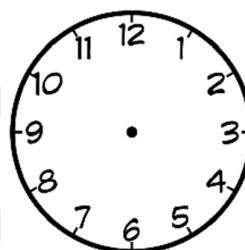
Câu 7. Sắp xếp các số 30, 19, 47, 98 theo thứ tự từ bé đến lớn.

Câu 8. Vẽ thêm kim dài và kim phút vào đồng hồ để đồng hồ chỉ:

7 giờ



11 giờ



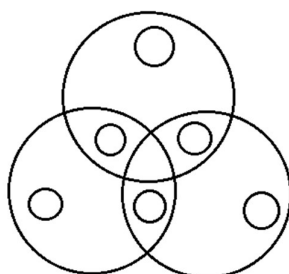
Câu 9. Viết phép tính thích hợp và trả lời câu hỏi:

Một lớp học có 12 bạn học sinh nữ và 11 bạn học sinh nam tham gia văn nghệ. Hỏi lớp học có tất cả bao nhiêu bạn tham gia văn nghệ?

--	--	--	--	--

Câu 10. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình dưới đây có ... hình tròn.



ĐỀ SỐ 10**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1. Số gồm 5 đơn vị và 4 chục được viết là:

- A. 54 B. 45 C. 50 D. 40

Câu 2. Trong các số 13, 63, 9, 24 số lớn nhất là số:

- A. 13 B. 63 C. 9 D. 24

Câu 3. Đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?

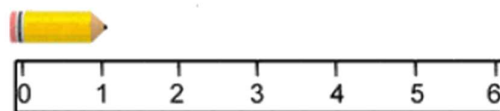


- A. 6 giờ B. 5 giờ C. 4 giờ D. 3 giờ

Câu 4. Nếu ngày 7 tháng 10 là thứ ba thì ngày 14 tháng 10 là:

- A. Thứ ba B. Thứ tư C. Thứ năm D. Thứ sáu

Câu 5. Độ dài của chiếc bút chì dưới đây theo đơn vị xăng-ti-mét là:



- A. 4cm B. 3cm C. 2cm D. 1cm

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

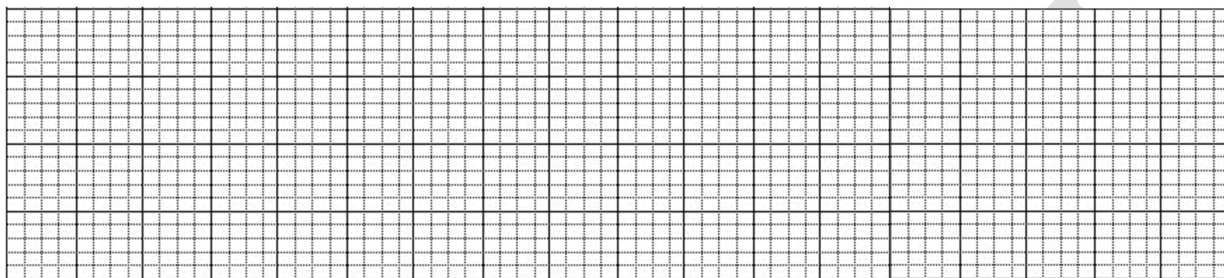
Câu 6. Đặt tính rồi tính:

$37 - 4$

$12 + 6$

$33 + 11$

$45 - 23$



Câu 7. Sắp xếp các số 62, 5, 92, 17 theo thứ tự từ lớn đến bé.

Câu 8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

+ Số 23 gồm chục và đơn vị.

+ Số gồm 1 chục và 6 đơn vị.

+ Số là số liền trước của số 34.

+ Số là số liền sau của số 69.

Câu 9. Viết phép tính thích hợp và trả lời câu hỏi:

Hùng có 27 viên bi. Hùng cho Dũng 7 viên bi. Hỏi Hùng còn lại bao nhiêu viên bi?

--	--	--	--	--

Câu 10. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình dưới đây có ... hình vuông.

